TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2025/QĐST-LĐ	*Tân Uyên, ngày 05 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Tân Uyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 46/2025/TLST-VLĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 46/2025/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 06/2025/QĐST-VLĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: 254 ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin vắng mặt.

2. Công ty TNHH C; địa chỉ: Đường số 1, khu phố M, phường Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Khu phố 5, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có văn bản xin vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác: Không.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Từ tháng 10/2008 đến tháng 04/2023, bà

H làm việc tại Công ty TNHH F (VN) INC và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm 0207240640.

Từ tháng 4/2010 đến tháng 02/2024, bà H cho bà Nguyễn Thị Tuyết Tr mượn chứng minh nhân dân để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty TNHH C và tham gia bảo hiểm xã hội tên Nguyễn Thị Thu H với mã số BHXH 7411084208, 7410118052.

Vì đóng trùng bảo hiểm xã hội nên bà H không thực hiện được thủ tục để hưởng các quyền lợi, chế độ cho người lao động nghỉ việc. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H (do bà Nguyễn Thị Tuyết Tr ký hợp đồng) với Công ty TNHH C (thời gian làm việc từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2024) bị vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày*: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân: 312093527 (Số CCCD 086189007970) được Công ty TNHH LD C (Công ty TNHH C) tham gia BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) với mã số BHXH 7410118052 từ tháng 04/2010 đến tháng 10/2010, với mã số BHXH 7411084208 từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2014. Đã xác nhận quá trình đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN.

Mã số BHXH 7410118052 tên Nguyễn Thị Thu H chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN, đã hưởng chế độ ốm đau 340.961 đồng.

Mã số BHXH 7411084208 tên Nguyễn Thị Thu H chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN.

Bà Nguyễn Thị Thu H còn được Công ty TNHH Vĩ Thái tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với mã số BHXH 0207240640 từ tháng 6/2007 đến tháng 9/2007 và Công ty TNHH F (Vietnam) tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với mã số BHXH 0207240640 từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2023.

Thời gian đóng trùng BHXH giữa mã số BHXH 7410118052 với mã số BHXH 0207240640 là từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 và giữa mã số BHXH 7411084208 với mã số BHXH 0207240640 từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2014.

Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C trình bày*: bà Nguyễn Thị Thu H có làm việc tại Công ty và quá trình tham gia BHXH như sau:

Từ ngày 04/3/2010 đến ngày 19/10/2010, theo Hợp đồng lao động số 36434 ngày 03/4/2010. Tham gia BHXH từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 với mã BHXH 7410118052.

Từ ngày 10/01/2011 đến 25/02/2014, theo Hợp đồng lao động số 39861 ngày 10/02/2011. Tham gia BHXH từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2014 với mã số BHXH 7411084208.

Công ty đồng ý yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Công ty TNHH C vô hiệu do người lao động vi phạm quy định của pháp luật.

- *Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày*: Năm 2010, do bà Tr chưa đủ tuổi tham gia lao động nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu H để xin việc tại Công ty TNHH C từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2014. Bà Tr đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Công ty TNHH C (từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2014) là vô hiệu của người yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng*:* Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Bà Nguyễn Thị

Thu H, sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân: 312093527 (Số CCCD 086189007970) được Công ty TNHH LD C (Công ty TNHH C) tham gia BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) với mã số BHXH 7410118052 từ tháng 04/2010 đến tháng 10/2010, với mã số BHXH 7411084208 từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2014. Đã xác nhận quá trình đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN.

Mã số BHXH 7410118052 tên Nguyễn Thị Thu H chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN, đã hưởng chế độ ốm đau 340.961 đồng.

Mã số BHXH 7411084208 tên Nguyễn Thị Thu H chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN.

Bà Nguyễn Thị Thu H còn được Công ty TNHH Vĩ Thái tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với mã số BHXH 0207240640 từ tháng 6/2007 đến tháng 9/2007 và Công ty TNHH F (Vietnam) tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với mã số BHXH 0207240640 từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2023.

Thời gian đóng trùng BHXH giữa mã số BHXH 7410118052 với mã số BHXH 0207240640 là từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 và giữa mã số BHXH 7411084208 với mã số BHXH 0207240640 từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2014.

Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH C và bà Nguyễn Thị Thu H phát sinh từ hợp đồng lao động số 36434 ngày 03/4/2010 từ ngày 04/3/2010 đến 19/10/2010 tham gia BHXH từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010 với mã số BHXH 7410118052 và hợp đồng lao động số 39861 ngày 10/02/2011 từ ngày 10/01/2011 đến 25/02/2014 tham gia BHXH từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2014 với mã số BHXH 7411084208. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thu H không ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và không có làm việc tại công ty trong khoảng thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 02/2014 mà do bà Nguyễn Thị Tuyết Tr mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị Thu H làm việc tại Công ty TNHH C.

[2.2] Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Thu H không có giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C mà do người khác sử dụng tên và số chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu H giao kết hợp đồng lao động. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Thu H bị trùng từ tháng

04/2010 đến tháng 02/2014. Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Công ty TNHH C từ tháng 4/2010 đến tháng 02/2014 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 33, 39, 149, 367, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Thu H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân: 312093527 (Số CCCD 086189007970) với Công ty TNHH C (Công ty TNHH LD C) thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 02/2014 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0002539 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này

trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Hồng Thêm